

TP.HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**  
**Đồng kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Pin Ác Quy Miền Nam (PINACO)

Mã chứng khoán: PAC

Địa chỉ trụ sở chính: 321 Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1, TPHCM.

Điện thoại: 028-39203063

Fax: 028-39202390

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam công bố thông tin Báo cáo tài chính giữa niên độ giai đoạn 6<sup>th</sup> kết thúc ngày 30/06/2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH KPMG. Báo cáo tài chính này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: [www.pinaco.com.vn](http://www.pinaco.com.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người đại diện theo pháp luật**  
**Người được uỷ quyền công bố thông tin**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)





**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Kinh doanh số**

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 17) ngày 30 tháng 1 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hoàng

Chủ tịch

(từ ngày 27 tháng 6 năm 2020)

Ông Phạm Thanh Tùng

Chủ tịch

(đến ngày 27 tháng 6 năm 2020)

Ông Trần Thanh Văn

Thành viên

Ông Lê Văn Năm

Thành viên

Ông Nguyễn Văn Chung

Thành viên

Ông Shinichiro Ota

Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Kiều Ly

Thành viên

Bà Vũ Thị Mai Nhung

Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Văn Năm

Tổng Giám đốc

(từ ngày 1 tháng 2 năm 2020)

Ông Trần Thanh Văn

Tổng Giám đốc

(đến ngày 1 tháng 2 năm 2020)

Ông Đào Ngọc Minh Tiến

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

**Trụ sở đăng ký**

321 Trần Hưng Đạo  
Phường Cô Giang, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong các báo cáo kiểm toán ngày 17 tháng 3 năm 2020 và báo cáo soát xét ngày 14 tháng 8 năm 2019.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00366/1\*2-20-1



  
Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2020

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.585.325.586.883</b>	<b>1.771.470.476.714</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>68.331.117.704</b>	<b>186.481.253.593</b>
Tiền	111		68.331.117.704	141.247.146.439
Các khoản tương đương tiền	112		-	45.234.107.154
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>632.521.693.703</b>	<b>656.729.740.504</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	632.521.693.703	656.729.740.504
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>332.674.647.961</b>	<b>142.888.444.563</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	266.085.704.968	83.230.245.964
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	38.150.342.995	27.391.535.423
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	31.745.887.273	32.806.005.575
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.307.352.903)	(559.800.418)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		65.628	20.458.019
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>526.150.171.497</b>	<b>737.093.716.679</b>
Hàng tồn kho	141		527.160.181.977	752.684.964.176
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.010.010.480)	(15.591.247.497)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25.647.956.018</b>	<b>48.277.321.375</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.925.918.254	2.828.088.073
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18(b)	22.722.037.764	45.449.233.302

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>683.612.910.870</b>	<b>711.273.921.029</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.924.000.000</b>	<b>6.658.733.987</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	5.552.843.775
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	1.657.935.376
Phải thu dài hạn khác	216		2.924.000.000	2.771.200.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	-	(3.323.245.164)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>552.936.914.335</b>	<b>571.256.987.857</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	334.025.175.746	348.891.560.781
Nguyên giá	222		1.057.819.049.548	1.035.299.631.898
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(723.793.873.802)	(686.408.071.117)
Tài sản cố định vô hình	227	12	218.911.738.589	222.365.427.076
Nguyên giá	228		262.770.870.706	262.770.870.706
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(43.859.132.117)	(40.405.443.630)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>53.702.604.647</b>	<b>45.524.928.011</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	53.702.604.647	45.524.928.011
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>32.500.000.000</b>	<b>32.500.000.000</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	32.500.000.000	32.500.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>41.549.391.888</b>	<b>55.333.271.174</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	18.655.898.111	22.250.366.085
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	6.133.464.818	6.030.112.396
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	16.760.028.959	27.052.792.693
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.268.938.497.753</b>	<b>2.482.744.397.743</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.583.561.384.145</b>	<b>1.814.305.526.581</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.512.933.920.332</b>	<b>1.735.679.601.937</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	99.321.033.425	219.520.294.956
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.751.877.916	24.933.996.672
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	313	18(a)	13.300.610.886	13.563.461.160
Phải trả người lao động	314		68.564.174.999	77.937.248.842
Chi phí phải trả	315	19	108.159.428.159	24.441.158.767
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	30.248.271.116	5.455.641.776
Vay ngắn hạn	320	21(a)	1.158.735.439.079	1.355.990.123.377
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	11.591.786.590	9.090.947.990
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	17.261.298.162	4.746.728.397
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>70.627.463.813</b>	<b>78.625.924.644</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	6.531.292.532
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	169.632.112
Phải trả dài hạn khác	337		420.000.000	420.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21(b)	70.207.463.813	71.505.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>685.377.113.608</b>	<b>668.438.871.162</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>685.377.113.608</b>	<b>668.438.871.162</b>
Vốn cổ phần	411	25	464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		161.626.946.846	83.280.322.025
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.448.397.538	118.856.779.913
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		256.806.949	21.869.393.986
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		57.191.590.589	96.987.385.927
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.268.938.497.753</b>	<b>2.482.744.397.743</b>

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp  
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:




Nguyễn Duy Hưng  
 Kế toán trưởng

Lê Văn Năm  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020**

Mẫu B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	28	1.757.605.439.747	1.837.536.209.377
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	252.148.382.675	251.411.631.309
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>1.505.457.057.072</b>	<b>1.586.124.578.068</b>
Giá vốn hàng bán	11	29	1.321.170.166.050	1.342.541.589.348
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>184.286.891.022</b>	<b>243.582.988.720</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	29.587.822.573	25.640.598.239
Chi phí tài chính	22	31	42.117.377.883	34.707.534.040
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		35.171.836.654	30.621.982.227
Chi phí bán hàng	25	32	72.937.748.667	107.494.242.009
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	23.655.819.540	25.622.978.953
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>75.163.767.505</b>	<b>101.398.831.957</b>
Thu nhập khác	31		127.470.942	151.846.740
Chi phí khác	32		78.244.126	40.000.002
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>49.226.816</b>	<b>111.846.738</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>75.212.994.321</b>	<b>101.510.678.695</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	18.124.756.154	19.871.992.169
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	(103.352.422)	747.925.982
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>57.191.590.589</b>	<b>80.890.760.544</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>36</b>	<b>1.108</b>	<b>1.567</b>

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp  
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:




Nguyễn Duy Hưng  
 Kế toán trưởng

Lê Văn Năm  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>75.212.994.321</b>	<b>101.510.678.695</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		40.839.491.172	43.190.559.346
Các khoản dự phòng	03		8.129.030.425	2.775.093.726
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(746.186.988)	608.240.055
Thu nhập từ tiền lãi	05		(26.787.788.067)	(23.596.490.018)
Chi phí lãi vay	06		35.171.836.654	30.621.982.227
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>131.819.377.517</b>	<b>155.110.064.031</b>
Biến động các khoản phải thu và các tài sản khác	09		(164.999.777.653)	(149.222.671.644)
Biến động hàng tồn kho	10		224.796.763.118	137.963.421.560
Biến động các khoản phải trả và các nợ phải trả khác	11		(38.030.127.333)	56.153.145.805
Biến động chi phí trả trước	12		3.496.637.793	1.946.406.441
			<b>157.082.873.442</b>	<b>201.950.366.193</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(34.634.825.922)	(34.102.933.199)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(17.863.101.224)	(22.731.628.156)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.502.924.878)	(4.578.335.618)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>100.082.021.418</b>	<b>140.537.469.220</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(73.218.098.994)	(30.717.336.178)
Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(155.024.107.154)	(185.265.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		197.868.443.754	213.003.541.666
Tiền thu lãi tiền gửi	27		10.144.225.485	10.071.747.875
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(20.229.536.909)</b>	<b>7.092.953.363</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*


	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		1.332.152.881.511	1.391.604.901.406
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.529.958.805.010)	(1.502.259.503.383)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(197.805.923.499)</b>	<b>(110.654.601.977)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(117.953.438.990)</b>	<b>36.975.820.606</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		186.481.253.593	106.946.601.326
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(196.696.899)	(76.617.062)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>68.331.117.704</b>	<b>143.845.804.870</b>

**Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư**


	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	37.443.406.532	79.964.411.240


Ngày 13 tháng 8 năm 2020

Người lập:

  
 Nguyễn Văn Diệp  
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:

  
 Nguyễn Duy Hưng  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Văn Năm  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty có 1 công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phân trăm lợi ích kinh tế	
			31/12/2019	1/1/2019
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	26,00%	26,00%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty có văn phòng chính tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng và 3 xí nghiệp sản xuất ắc quy và 1 xí nghiệp sản xuất pin tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 1.196 nhân viên (1/1/2020: 1.179 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán dùng lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách dùng lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết**

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 12 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 8 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(iii) Tài sản khác**

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(j) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành và được ghi giảm với giá gốc của các thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn này. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Chi phí bảo hành**

Dự phòng về chi phí bảo hành của Công ty liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các năm và chi phí bảo hành trung bình cho một sản phẩm.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

**(o) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(p) Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

**(r) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(t) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(u) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

**(v) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.060.374.770	1.347.698.234
Tiền gửi ngân hàng	66.270.742.934	139.899.448.205
Các khoản tương đương tiền	-	45.234.107.154
	68.331.117.704	186.481.253.593
	68.331.117.704	186.481.253.593

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

**5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày giao dịch nhưng dưới một năm từ ngày cuối kỳ và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,80% đến 8,50% (2019: 5,00% đến 8,50%).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với giá trị là 40.000 triệu VND (1/1/2020: 40.000 triệu VND) được dùng để thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 21).

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ông Chea Se	12.394.782.974	16.318.777.115
Faith Chemical Enterprises	8.658.113.082	4.170.190.698
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải	4.195.982.010	7.966.263.800
Các khách hàng khác	240.836.826.902	54.775.014.351
	266.085.704.968	83.230.245.964
	266.085.704.968	83.230.245.964

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Lagardere Sports Asia PTE. Ltd	7.800.810.000	-
Công ty TNHH Luyện Kim Thăng Long	5.283.609.035	-
Sorfin Yoshimura Tokyo. Ltd.,	3.865.988.675	-
Sorin Corporation	50.836.489	9.607.739.646
Wirtz Manufacturing Co	-	3.215.620.947
Các nhà cung cấp khác	21.149.098.796	14.568.174.830
	38.150.342.995	27.391.535.423

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu lãi tiền gửi	28.564.557.708	30.557.284.925
Tạm ứng cho nhân viên	2.440.781.090	1.983.167.467
Phải thu khác	740.548.475	265.553.183
	31.745.887.273	32.806.005.575

**9. Dự phòng phải thu khó đòi**

Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b><i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i></b>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 3 năm	4.506.430.176	1.636.093.505	2.870.336.671
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Từ 6 tháng đến 3 năm	2.881.580.020	1.294.348.374	1.587.231.646
Công ty TNHH Ford Việt Nam	Từ 6 tháng đến 1 năm	71.927.240	35.963.620	35.963.620
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến 3 năm	400.673.660	340.947.404	59.726.256
		7.860.611.096	3.307.352.903	4.553.258.193

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	<b>Quá hạn</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>
<b><i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i></b>				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.039.283.520	311.785.056	727.498.464
Công ty TNHH Ford Việt Nam	Từ 6 tháng đến 1 năm	612.139.990	183.641.997	428.497.993
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	214.577.883	64.373.365	150.204.518
		<b>1.866.001.393</b>	<b>559.800.418</b>	<b>1.306.200.975</b>
<b><i>Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi:</i></b>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 1 năm đến 3 năm	3.806.514.486	2.401.605.837	1.404.908.649
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Từ 1 năm đến 3 năm	1.213.468.080	606.734.040	606.734.040
Các khách hàng khác	Từ 1 năm đến 3 năm	328.352.082	314.905.287	13.446.795
		<b>5.348.334.648</b>	<b>3.323.245.164</b>	<b>2.025.089.484</b>
		<b>7.214.336.041</b>	<b>3.883.045.582</b>	<b>3.331.290.459</b>

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	3.883.045.582	4.311.641.062
Số trích lập trong kỳ	394.852.439	498.240.787
Số hoàn nhập trong kỳ	(970.545.118)	(173.941.861)
Số dư cuối kỳ	<b>3.307.352.903</b>	<b>4.635.939.988</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	61.355.719.187	-	161.842.158.166	-
Nguyên vật liệu	154.407.375.293	-	242.673.021.577	-
Công cụ và dụng cụ	10.640.271.107	-	11.819.841.886	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	137.024.388.200	-	160.227.659.356	-
Thành phẩm	163.560.759.677	(1.010.010.480)	175.622.099.177	(6.106.909.839)
Hàng hóa	171.668.513	-	500.184.014	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>527.160.181.977</b>	<b>(1.010.010.480)</b>	<b>752.684.964.176</b>	<b>(6.106.909.839)</b>
<b>Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn</b>	<b>27.780.811.774</b>	<b>(11.020.782.815)</b>	<b>27.052.792.693</b>	<b>(9.484.337.658)</b>

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá của các tài sản trên như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020	
	Hàng tồn kho VND	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn VND
Số dư đầu kỳ	6.106.909.839	9.484.337.658
Số trích lập trong kỳ	-	1.536.445.157
Số hoàn nhập trong kỳ	(5.096.899.359)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.010.010.480</b>	<b>11.020.782.815</b>



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	178.445.140.643	809.184.285.387	31.511.564.685	13.255.063.629	2.903.577.554	1.035.299.631.898
Mua sắm trong kỳ	-	2.959.189.460	316.000.000	-	-	3.275.189.460
Chuyển từ xây dựng cơ bản đỡ dang (Thuyết minh 13)	725.473.150	18.518.755.040	-	-	-	19.244.228.190
Số dư cuối kỳ	179.170.613.793	830.662.229.887	31.827.564.685	13.255.063.629	2.903.577.554	1.057.819.049.548
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	97.329.962.950	555.405.832.869	20.957.451.219	10.582.879.016	2.131.945.063	686.408.071.117
Khấu hao trong kỳ	5.191.614.109	30.549.179.084	1.200.783.083	276.056.261	168.170.148	37.385.802.685
Số dư cuối kỳ	102.521.577.059	585.955.011.953	22.158.234.302	10.858.935.277	2.300.115.211	723.793.873.802
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	81.115.177.693	253.778.452.518	10.554.113.466	2.672.184.613	771.632.491	348.891.560.781
Số dư cuối kỳ	76.649.036.734	244.707.217.934	9.669.330.383	2.396.128.352	603.462.343	334.025.175.746

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 470.297 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 394.984 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 37.880 triệu VND (1/1/2020: 40.280 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	247.954.936.198	9.597.155.852	5.218.778.656	262.770.870.706
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	27.859.179.474	7.327.485.500	5.218.778.656	40.405.443.630
Khấu hao trong kỳ	2.782.272.942	671.415.545	-	3.453.688.487
Số dư cuối kỳ	30.641.452.416	7.998.901.045	5.218.778.656	43.859.132.117
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	220.095.756.724	2.269.670.352	-	222.365.427.076
Số dư cuối kỳ	217.313.483.782	1.598.254.807	-	218.911.738.589

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 10.765 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 10.765 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, tài sản vô định vô hình với giá trị còn lại là 17.614 triệu VND (1/1/2020: 17.886 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	45.524.928.011	80.467.247.065
Mua sắm trong kỳ	28.882.435.522	25.606.592.080
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(19.244.228.190)	(76.529.500.487)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15)	(1.460.530.696)	(5.273.451.583)
Số dư cuối kỳ	53.702.604.647	24.270.887.075

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Máy móc và thiết bị	41.009.003.930	41.230.983.930
Công trình xây dựng	12.693.600.717	4.293.944.081
	53.702.604.647	45.524.928.011

**14. Đầu tư vào công ty liên kết**

	<b>30/6/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	<b>% vốn chủ sở hữu</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>% vốn chủ sở hữu</b>	<b>Giá gốc VND</b>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	26.00%	32.500.000.000	26.00%	32.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư góp vốn và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu kỳ	6.764.119.881	15.486.246.204	22.250.366.085
Mua sắm trong kỳ	653.600.000	1.870.026.034	2.523.626.034
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	234.733.291	1.225.797.405	1.460.530.696
Phân bổ trong kỳ	(2.531.982.012)	(5.046.642.692)	(7.578.624.704)
Số dư cuối kỳ	5.120.471.160	13.535.426.951	18.655.898.111

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	2.406.158.659	3.118.249.499
Dự phòng bảo hành	20%	2.318.357.318	1.818.189.598
Chi phí phải trả	20%	1.317.915.613	965.843.974
Chênh lệch tỷ giá	20%	91.033.228	127.829.325
		6.133.464.818	6.030.112.396

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>30/6/2020 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>1/1/2020 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>
Sorin Corporation Singapore PTE Ltd	16.468.581.718	10.224.189.403
Thai United Industry Company Ltd.	10.224.189.403	22.704.010.502
Công ty TNHH Thye Míng Việt Nam	4.133.017.183	6.291.528.899
Trafigura PTE LTD	105.248.155	104.033.236.640
Các nhà cung cấp khác	68.389.996.966	76.267.329.512
	99.321.033.425	219.520.294.956

**(b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan**

	<b>30/6/2020 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>1/1/2020 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	1.950.664.210	1.132.849.300
Công ty Cổ phần Hoi Kỹ Nghệ Que Hàn	23.837.000	30.217.000
	1.974.501.210	1.163.066.300

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	339.718.949.862	(277.668.759.768)	(60.904.318.960)	1.145.871.134
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.221.478.038	18.124.756.154	-	(17.863.101.224)	13.483.132.968
Thuế thu nhập cá nhân	1.755.870.399	4.275.002.047	-	(6.619.777.466)	(588.905.020)
Phí thuế đất và các loại thuế khác	(1.413.887.277)	4.729.626.756	-	(4.055.227.675)	(739.488.196)
	13.563.461.160	366.848.334.819	(277.668.759.768)	(89.442.425.325)	13.300.610.886

**(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số hoàn trả trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	45.449.233.302	254.941.564.230	(277.668.759.768)	-	22.722.037.764

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chiết khấu, chi phí khuyến mãi và chi phí hỗ trợ bán hàng	80.889.553.519	19.302.990.710
Chi phí phúc lợi cho nhân viên	20.247.491.427	-
Chi phí vận chuyển	3.386.993.597	2.508.700.255
Chi phí lãi vay	2.116.078.779	1.579.068.047
Các khoản chi phí phải trả khác	1.519.310.837	1.050.399.755
	<hr/>	<hr/>
	108.159.428.159	24.441.158.767
	<hr/>	<hr/>

**20. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức	23.252.940.540	17.087.040
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	1.951.202.840	1.889.050.464
Các khoản phải trả khác	5.044.127.736	3.549.504.272
	<hr/>	<hr/>
	30.248.271.116	5.455.641.776
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**21. Vay và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2020		Biến động trong kỳ		30/6/2020		
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay bên thứ ba	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000
Vay ngân hàng	1.303.490.123.377	1.303.490.123.377	1.322.505.243.398	(1.519.958.805.010)	(746.296.986)	1.105.290.264.779	1.105.290.264.779
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	20.000.000.000	20.000.000.000	10.945.174.300	(10.000.000.000)	-	20.945.174.300	20.945.174.300
	1.355.990.123.377	1.355.990.123.377	1.333.450.417.698	(1.529.958.805.010)	(746.296.986)	1.158.735.439.079	1.158.735.439.079

Vay bên thứ ba thể hiện khoản vay ngắn hạn, không đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngân hàng ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
		2020	2019		
<i>Vay ngân hàng không có đảm bảo</i>					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	5,50%	5,50% - 5,70%	139.263.756.158	226.614.415.070
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	3,80%	3,80% - 4,20%	149.980.798.928	145.767.083.155
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	5,20%	5,40%	76.418.712.662	70.258.060.703
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	3,80%	3,30% - 4,60%	31.651.419.000	187.872.518.448
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	USD	2,20%	3,63% - 3,88%	11.948.852.557	69.660.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	VND	5,00%	3,80% - 4,90%	20.012.401.831	18.999.949.000
Ngân hàng Siam Bank VN	VND	5,00% - 5,30%	5,35% - 5,50%	91.243.928.857	97.369.017.553
Ngân hàng Siam Bank VN	USD	2,90% - 3,00%	-	16.365.597.295	-
Ngân hàng Malaysian Banking Berhad	USD	2,10%	-	59.862.942.267	-

*Vay ngân hàng có đảm bảo*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i)  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i)

	VND	5,60%	5,60% - 7,90%	298.567.448.794	402.031.778.909
	USD	3,80%	3,80%	209.974.406.430	84.917.300.539

1.105.290.264.779 1.303.490.123.377

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
	91.152.638.113	91.505.000.000
	(20.945.174.300)	(20.000.000.000)

Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả sau 12 tháng

	70.207.463.813	71.505.000.000
--	----------------	----------------



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
		2020	2019		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (ii)	VND	9,20% - 9,60%	9,10%	87.193.000.000	91.505.000.000
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank (iii)	VND	9,00%	-	3.959.638.113	-
				91.152.638.113	91.505.000.000

(i) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với giá trị là 40.000 triệu VND (1/1/2020: 40.000 triệu VND) (Thuyết minh 5).

(ii) Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21 tờ bản đồ 67 xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Các tài sản này được ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi số lần lượt là 37.880 triệu VND và 17.614 triệu VND (1/1/2020: 40.280 triệu VND và 17.886 triệu VND) (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 12).

(iii) Các khoản nợ thuế tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank không có đảm bảo. Nợ gốc và lãi sẽ được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ. Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2020		1/1/2020	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	1.442.164.923	313.247.525	-	-
Trong vòng hai đến năm năm	3.210.106.032	379.385.317	-	-
	4.652.270.955	692.632.842	-	-
			3.959.638.113	-

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## **22. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	9.090.947.990	10.190.195.334
Số trích lập trong kỳ	12.265.177.306	10.682.627.333
Số sử dụng trong kỳ	(9.764.338.706)	(9.770.307.925)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	11.591.786.590	11.102.514.742

## **23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.746.728.397	2.911.165.144
Số trích lập trong kỳ	17.017.494.643	16.138.021.972
Số sử dụng trong kỳ	(4.502.924.878)	(4.578.335.618)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	17.261.298.162	14.470.851.498

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	35.909.356.110	108.614.235.373	610.825.360.707
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	80.890.760.544	80.890.760.544
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	47.370.965.915	(47.370.965.915)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(16.138.021.972)	(16.138.021.972)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(23.235.853.500)	(23.235.853.500)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	83.280.322.025	102.760.154.530	652.342.245.779
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	83.280.322.025	118.856.779.913	668.438.871.162
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	57.191.590.589	57.191.590.589
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	78.346.624.821	(78.346.624.821)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(17.017.494.643)	(17.017.494.643)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(23.235.853.500)	(23.235.853.500)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	161.626.946.846	57.448.397.538	685.377.113.608

Trong kỳ, cổ tức được chia và quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 379/PA-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2020.

**Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Tại ngày báo cáo, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	30/6/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	23.898.273	51,43%	23.898.273	51,43%
The Furukawa Battery Co Ltd.,	4.899.708	10,54%	4.899.708	10,54%
Các cổ đông khác	17.673.726	38,03%	17.673.726	38,03%
	46.471.707	100,00%	46.471.707	100,00%

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.321.388.000	1.465.745.455
Trong vòng hai đến năm năm	576.400.000	969.600.000
	3.897.788.000	2.435.345.455
	3.897.788.000	2.435.345.455

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	26.204.354.637	22.698.590.978
	26.204.354.637	22.698.590.978
	26.204.354.637	22.698.590.978

**(c) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	124.728	2.883.700.491	147.829	3.417.814.107
EUR	287	7.343.510	292	7.524.031
		2.891.044.001		3.425.338.138
		2.891.044.001		3.425.338.138

**Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 27. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kết toán do tài sản cố định được sử dụng chung để sản xuất hàng xuất khẩu và bán trong nước và không đủ cơ sở để chia tách.

Doanh thu dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong nước	1.202.224.577.047	1.256.240.706.326
Xuất khẩu	303.232.480.025	329.883.871.742
	1.505.457.057.072	1.586.124.578.068

## 28. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu pin và ắc quy	1.757.605.439.747	1.837.536.209.377
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	252.088.064.766	251.297.692.669
▪ Hàng bán bị trả lại	60.317.909	113.938.640
	252.148.382.675	251.411.631.309
Doanh thu thuần	1.505.457.057.072	1.586.124.578.068

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Pin và ắc quy đã bán	1.279.590.156.453	1.333.947.869.524
Khuyến mãi có điều kiện (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	45.140.463.799 (3.560.454.202)	7.055.244.432 1.538.475.392
	<b>1.321.170.166.050</b>	<b>1.342.541.589.348</b>

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	26.787.788.067	23.596.490.018
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.053.847.518	2.044.108.221
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	746.186.988	-
	<b>29.587.822.573</b>	<b>25.640.598.239</b>

**31. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí lãi vay	35.171.836.654	30.621.982.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.945.541.229	3.477.311.758
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	608.240.055
	<b>42.117.377.883</b>	<b>34.707.534.040</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	15.148.960.148	18.614.148.138
Chi phí khấu hao	1.604.248.893	1.441.785.908
Chi phí bảo hành	12.265.177.306	9.770.307.925
Chi phí quảng cáo	5.911.267.770	43.625.894.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.497.200.621	23.393.924.164
Chi phí bán hàng khác	9.510.893.929	10.648.181.215
	<hr/>	<hr/>
	72.937.748.667	107.494.242.009
	<hr/>	<hr/>

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.827.453.042	13.006.858.076
Chi phí khấu hao	548.517.166	1.348.526.390
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(575.692.679)	324.298.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.823.239.444	5.414.001.503
Chi phí khác	6.032.302.567	5.529.294.058
	<hr/>	<hr/>
	23.655.819.540	25.622.978.953
	<hr/>	<hr/>

**34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.048.456.387.240	969.389.266.506
Chi phí nhân công và nhân viên	132.258.597.416	131.378.551.623
Chi phí khấu hao và phân bổ	40.839.491.172	43.190.559.346
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	149.142.556.378	185.581.428.773
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	15.185.816.084	19.656.165.889
Dự phòng thiếu trong các năm trước	2.938.940.070	215.826.280
	18.124.756.154	19.871.992.169
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(103.352.422)	747.925.982
	18.021.403.732	20.619.918.151

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	75.212.994.321	101.510.678.695
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	15.042.598.864	20.302.135.739
Chi phí không được khấu trừ thuế	39.864.798	101.956.132
Dự phòng thiếu trong các năm trước	2.938.940.070	215.826.280
	18.021.403.732	20.619.918.151

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	57.191.590.589	80.890.760.544
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(5.719.159.059)	(8.089.076.054)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	51.472.431.530	72.801.684.490
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	46.471.707	46.471.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.108	1.567

(\*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế căn cứ theo mức trích lập được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Công ty mẹ</b> <i>Tập đoàn hóa chất Việt Nam</i> Cổ tức được chia	11.949.136.500	11.949.136.500
<b>Cổ đông lớn</b> <i>The Furukawa Battery Co Ltd.,</i> Phí bản quyền Cổ tức được chia	1.965.617.085 2.449.854.000	2.203.707.520 2.449.854.000
<b>Công ty liên quan</b> <i>Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam</i> Mua hàng hóa	10.603.102.620	9.538.770.120
<i>Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn</i> Mua hàng hóa	194.755.000	198.282.700

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Công ty Cổ phần Bột Giặt Lix</b> Mua hàng hóa	2.927.521.785	-
<b>Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</b> Thù lao	210.000.000	210.000.000
<b>Ban Giám đốc</b> Lương và thưởng	708.380.000	810.960.000

**38. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số liệu so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được mang sang từ số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp  
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:






Nguyễn Duy Hưng  
 Kế toán trưởng

Lê Văn Năm  
 Tổng Giám đốc